

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2021/HS-PT
Ngày 22 tháng 9 năm 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thúy Mai

Bà Lê Thị Bích Ngọc

- Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Thùy Dương - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà:
Bà Đỗ Thị Ánh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 72/2021/TLPT-HS ngày 05 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Thanh N và đồng phạm do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 79/2020/HS-ST ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố V đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Thanh N, sinh năm 1993, tại Vĩnh Phúc; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn T, xã N1, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Nguyễn Văn S1, sinh năm 1969 và bà Phạm Thị H, sinh năm 1970; có vợ là Trần Kiều T1, sinh năm 1995 và có 02 con (con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2018); tiền án: Không; tiền sự: 01 tiền sự, ngày 29/11/2018, Công an huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000đ về hành vi đánh nhau (Nguyễn Thanh N chưa nộp tiền phạt); bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/11/2019 đến nay, (có mặt).

2. Họ và tên: Đặng Sỹ L, sinh năm 1991, tại Vĩnh Phúc; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ dân phố S2, thị trấn T2, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Đặng Sỹ T3 (đã chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1963; vợ: Phạm Thị H1, sinh năm 1995 (đã ly hôn) và có 02 con (con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2019); tiền án: 01 tiền án, tại Bản án số 03/2016/HSST ngày 21/01/2016 của Tòa án nhân dân huyện T4, tỉnh Vĩnh Phúc

xử phạt Đặng Sỹ L 03 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/02/2018, án phí hình sự sơ thẩm đã nộp xong ngày 31/3/2016; tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số 17/2012/HSST ngày 11/5/2012, Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt Đặng Sỹ L 09 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/7/2012, án phí hình sự sơ thẩm đã nộp xong ngày 28/6/2012. Ngày 27/3/2015 bị Công an phường H2, thành phố V ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 750.000đ về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy, đã nộp phạt xong ngày 06/5/2015; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/02/2020 đến nay, (có mặt).

3. Họ và tên: Hà Mạnh H3, sinh năm 1991, tại Vĩnh Phúc; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn T5, xã N1, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Hà Văn V1, sinh năm 1969 và con bà Hà Thị H4, sinh năm 1967, có vợ là Bùi Thị A, sinh năm 1993 và có 02 con (lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2019); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/02/2020 đến nay, (có mặt).

4. Họ và tên: Nguyễn Đình K, sinh năm 1990, tại Vĩnh Phúc; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Tổ dân phố L, thị trấn T, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Nguyễn Văn T6 và bà Lỗ Thị T7; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 16/4/2016 bị Công an huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 750.000đ về hành vi Cố ý gây thương tích, đã nộp phạt ngày 25/4/2016; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/02/2020 đến ngày 16/4/2020 được tại ngoại, (có mặt).

- Bị hại: Anh Nguyễn Văn H5, sinh năm 1995; trú tại: Khu 7, xã X, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 11 năm 2018, do có quen biết từ trước nên anh Nguyễn Văn H5, nhờ N vay hộ số tiền 5.000.000đ để giải quyết việc cá nhân, N đồng ý rồi đứng ra vay của quán cầm đồ 88 ở xã N1, huyện S do Hà Anh Q1 làm chủ số tiền 5.000.000đ để cho anh H5 vay, thỏa thuận lãi suất 5.000đ/1 triệu/ngày. Sau khi cho anh H5 vay số tiền trên, N nhiều lần đòi tiền nhưng anh H5 vẫn chưa trả. Khoảng 17 giờ ngày 09/4/2019, N sử dụng điện thoại gọi và rủ thì được Hà Mạnh H3 đồng ý đi xuống thành phố V để đòi nợ anh H5. Sau đó, N điều khiển xe máy biển kiểm soát (viết tắt là: BKS) 88C1 – 111.11 chở H3 đi xuống thành phố V. Khi xuống thành phố V, N gọi điện thoại cho anh H5 rủ anh H5 đi uống nước, mục đích để đòi tiền anh H5. Anh H5 đồng ý rồi hẹn gặp N ở khu vực Đ1 thuộc

phường N2, thành phố V. Sau khi gọi cho anh H5 xong, N gọi điện cho Nguyễn Đình K rủ đi uống nước và nhờ K dẫn đến khu vực , phường N2, thành phố V. Lúc này, K đang cùng người bạn mới quen tên Gấu (không rõ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của Gấu) đi xe máy từ huyện B về thành phố V chơi nên khi nghe điện thoại của N, K đồng ý và hẹn gặp N ở khu vực nhà thi đấu tỉnh Vĩnh Phúc thuộc phường K1, thành phố V. Sau khi gặp N, H3 ở khu vực trên, K chở Gấu dẫn N, H3 đến khu vực Đ1 thuộc phường N2, thành phố V. Khi đến khu vực trên, N bảo K và Gấu đứng đợi ở đầu đường L1 giao với đường L2 còn N và H3 đi xe máy về phía Bảo tàng tỉnh Vĩnh Phúc và đứng trên vỉa hè để đợi anh H5. Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, anh H5 đi bộ từ nhà trọ của mình ra khu vực Đ1 gặp N. Tại đây, N yêu cầu anh H5 trả tiền, anh H5 xin khất nợ nhưng N không đồng ý rồi yêu cầu anh H5 đi lên quán cầm đồ 88, ở xã N1, huyện S để giải quyết nợ nần nhưng anh H5 không đi liền bị N tát từ 02 đến 03 cái vào mặt và giữ lại. Anh H5 sợ bỏ chạy và gọi điện thoại cho anh họ là Dương Quốc Chính là người thuê cùng nhà trọ với vợ chồng anh H5 bảo “Anh ơi cứu em với, em bị bọn nó đánh ở Đ1”. Sau khi nghe điện thoại của anh H5, anh Chính đi xe máy từ nhà trọ ra đường L2, phường N2, thành phố V. Cùng lúc này, tại khu vực Đ1, thấy anh H5 bỏ chạy nên H3 đang đứng ở gần đó chạy đến ôm, giữ anh H5, K và người tên Gấu đang đứng bên kia đường thấy nhóm N, H3 đuổi, đánh ôm giữ anh H5 thì cũng phóng xe máy đến rồi N, H3, K và người tên Gấu dùng chân, tay nắm, đá vào người anh H5, giữ không cho anh H5 bỏ chạy. N gọi điện cho hãng taxi Thiên Đức yêu cầu cho 01 xe taxi đến khu vực Bảo tàng tỉnh Vĩnh Phúc. Một lúc sau, có anh Mã Công L, điều khiển xe taxi BKS 29A – 497.72 đi đến khu vực trên. Lúc này, N lên xe mở cửa sau bên lái rồi kéo anh H5 lên xe, anh H5 vùng vẫy không lên xe và hô hoán “Cứu tôi với” thì bị N, H3 và người tên Gấu dùng chân đạp, dùng tay nắm vào người, vào mặt, K dùng chân đạp vào bụng ép anh H5 lên xe. Do bị đánh đau nên anh H5 không dám chống cự thì bị N kéo tay, H3 và K nhấc chân đẩy vào trong xe taxi rồi H3 cũng lên xe taxi ngồi ở hàng ghế sau cùng N và anh H5 còn người tên Gấu và K mỗi người điều khiển một xe máy bỏ đi. Cùng thời điểm này, anh Chính đi xe máy đến khu vực trên thì thấy N, H3 bắt giữ anh H5 trên xe taxi, anh Chính nói với N, H3 “Sao chúng mày bắt em tao”, H3 nói với anh Chính “Không phải việc của mày”, anh H5 hô hoán “Anh ơi, cứu em với” thì anh Chính nói “Mày cứ đi xem chúng nó làm gì được mày”. Sau đó, N yêu cầu anh L điều khiển taxi đi về quán cầm đồ 88 ở xã N1, huyện S, anh Chính đuổi theo N, H3 đến khu vực đài phun nước thuộc phường N2, thành phố V thì vào Công an thành phố V trình báo sự việc đồng thời gọi cho bạn là anh Nguyễn Hữu Nghĩa và một số người bạn của anh Chính thông báo việc anh H5 bị nhóm N, H3 bắt giữ.

Trong khi đó, trên đường đưa anh H5 về quán cầm đồ 88, N yêu cầu anh H5 đọc số điện thoại của vợ là chị Nguyễn Thị Thanh V2; Do sợ bị N đánh nên anh H5 đọc số điện thoại 0985.835.410 của chị V2 cho N rồi N gọi điện cho chị V2 nói “Em là vợ Hà à, anh vừa bắt được chồng em”, chị V2 hỏi N “Sao anh bắt

chồng em”, N trả lời “Chồng em nợ anh 5.000.000đ nửa năm nay không trả, cả lãi và gốc lên đến 15.000.000đ, 20.000.000đ, em mang tiền lên quán cầm đồ 88 trả anh thì anh thả chồng em về”. Thấy N nói vậy, chị V2 bảo “Nhà em báo công an rồi, anh làm gì chồng em thì làm”. Sau khi N gọi cho chị V2, H3 cũng lấy điện thoại Nokia 1280 lắp sim số 0397.056.924 gọi điện thoại cho Hà Anh Q1 nói về việc đi cùng N xuống thành phố V đòi nợ anh H5 và bắt anh H5 về quán cầm đồ 88 thì Quyền nói “Chúng mày tiền nong thế nào mà bắt người, thả nó về đi”; Tiếp đó, Quyền cũng gọi điện cho N bảo “Tiền nong gì đừng giữ người” nhưng H3, N không nghe mà tiếp tục bắt anh H5 về quán cầm đồ 88. Khi đến quán cầm đồ 88 thì N bảo 01 N giới tên Linh ra trả tiền taxi cho anh L1 rồi N, H3 đưa anh H5 vào trong quán cầm đồ 88 còn Linh sau khi trả tiền taxi cũng bỏ đi. Sau khi N và H3 bắt Hà vào trong quán cầm đồ 88 được một lúc thì Đặng Sỹ L cũng đi đến quán cầm đồ 88. Khi thấy N chửi và yêu cầu anh H5 trả tiền, biết N đang đòi nợ anh H5 nên L cũng hưởng ứng, hỗ trợ N đòi nợ anh H5, L nói với anh H5 “Mày vay tiền mà không chịu trả chúng nó” và “Tao cho mày 05 phút báo gia đình mày cầm 20.000.000đ lên trả thì tao cho về” anh H5 xin khát nợ thì bị N, L dùng chân tay đánh vào người, L dùng cục sặc đa năng kích thước (10x3x2)cm có vỏ bằng nhựa cứng màu trắng nặng khoảng 0,3kg – 0,4kg ném vào mặt và dùng búa cao su có tay cầm bằng gỗ dài khoảng 10cm, thân búa bằng cao su đặc, hình tròn, đường kính khoảng 04cm, búa nặng khoảng 0,6kg – 0,7kg có sẵn trong quán cầm đồ 88 vụt vào người, vào lưng anh H5. Thấy vậy, N cũng dùng tay tát 01 – 02 phát vào người anh H5 rồi bảo L không đánh anh H5 nữa để anh H5 gọi điện cho gia đình đem tiền lên trả. Khi L dùng cục sặc đa năng, búa cao su đánh anh H5 yêu cầu phải trả tiền nợ ngay thì N, H3 cũng có mặt trong quán cầm đồ 88 không can ngăn. Lúc này, L bảo H3 gọi điện cho chị V2 thì H3 lấy điện thoại của N gọi cho chị V2 rồi đưa điện thoại cho anh H5 nói chuyện, anh H5 bảo chị V2 “Vợ ơi, nhờ anh Chính vay 20.000.000đ mang lên trả thì nó mới cho chồng về”, chị V2 nói “Em báo công an rồi, kệ xem bọn nó làm gì” rồi tắt máy.

Trong khoảng thời gian trên, anh Nghĩa cùng anh Chính và một số người bạn anh Chính cũng đi tìm anh H5, anh Nghĩa gọi điện thoại cho Quyền bảo bạn của Quyền bắt anh H5 đồng thời anh Nghĩa yêu cầu thả người thì Quyền bảo để Quyền hỏi lại xem thế nào. Sau đó, Quyền gọi điện cho H3 bảo “Tiền nong thế nào mà không thả nó về đi, đội Vĩnh Yên gọi cho tao, chúng nó đang lên”. Sau khi nghe điện thoại xong, H3 nói lại với N và L nội dung trên thì cả nhóm thống nhất đưa anh H5 ra khu vực bến cát trên sông Lô ở xã N1, huyện S để tránh va chạm với nhóm của anh Nghĩa và để tiếp tục đòi nợ anh H5. Khi đưa anh H5 ra đến cửa quán cầm đồ 88, L tiếp tục dùng chân, tay nắm, đá vào người anh H5, sau đó, N điều khiển xe máy chở L, H3 và anh H5 ra khu vực bến cát trên sông Lô, cách quán cầm đồ 88 khoảng 300m. Tại đây, nhóm N đưa anh H5 lên 01 chiếc thuyền chở cát đang thả neo ở đây. Sau khi bắt anh H5 lên trên thuyền, L tiếp tục dùng 01 đoạn tre dài khoảng 60cm, đường kính khoảng 03cm có sẵn trên thuyền

vứt vào tay anh H5 và nói “Trong đêm nay, gia đình mày không trả tiền thì không cho mày về”. Lúc này, Quyền gọi cho H3, N yêu cầu phải thả anh H5 nên H3, N và L đưa anh H5 lên bờ thì thấy xe ô tô của nhóm anh Nghĩa đến đón anh H5 nên H3, N và L bỏ chạy còn anh H5 được nhóm anh Nghĩa đưa về Công an thành phố V làm việc.

Tại bản kết luận giám định số 136 ngày 06/5/2019, Trung tâm pháp y tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể Nguyễn Văn H5 do thương tích gây nên ở thời điểm hiện tại là 02%.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra Nguyễn Đình K đã bồi thường cho anh Nguyễn Văn H5 số tiền 3.000.000đ. Anh H5 đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu, đề nghị gì khác về bồi thường dân sự.

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 79/2020/HS-ST ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố V đã quyết định:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh N 09 (Chín) tháng tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật”; 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 08 (Tám) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam ngày 07 tháng 11 năm 2019.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Đặng Sỹ L 08 (Tám) tháng tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật”; 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 08 (Tám) năm 02 (Hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam ngày 20 tháng 02 năm 2020.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Hà Mạnh H3 07 (Bảy) tháng tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật”; 07 (Bảy) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 07 (Bảy) năm 07 (Bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam ngày 20 tháng 02 năm 2020.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 17; Điều 58; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình K 06 (Sáu) tháng tù, cho hưởng án treo về tội “Bắt giữ người trái pháp luật”, thời gian thử thách 01 (Một) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02 tháng 7 năm 2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 945/QĐ-VKS-P7 với nội dung đề nghị hủy Bản án sơ thẩm để điều tra lại theo thủ tục chung do để lọt tội phạm và vi phạm trong việc áp dụng mức hình phạt chưa phù hợp.

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 82/2020/HSPT ngày 23/9/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, sửa bản án sơ thẩm, áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 55 (thêm điểm h khoản 1 Điều 52 với bị cáo Đặng Sỹ L) Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Thanh N 01 năm 03 tháng tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật”, 09 năm tù về tội “Cướp tài sản”; tổng hợp hình phạt buộc N phải chấp hành hình phạt tù chung cho cả hai tội là 10 năm 03 tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/11/2019; Đặng Sỹ L 01 năm tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật”, 09 năm tù về tội “Cướp tài sản”; tổng hợp hình phạt buộc L phải chấp hành hình phạt tù chung cho cả hai tội là 10 năm tù thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/02/2020; Hà Mạnh H3 09 tháng tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật”, 08 năm tù về tội “Cướp tài sản”; tổng hợp hình phạt buộc H3 phải chấp hành hình phạt tù chung cho cả hai tội là 08 năm 09 tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/02/2020.

Tại Quyết định số 11/QĐ-VC1-HS ngày 02/02/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội kháng nghị Bản án hình sự phúc thẩm số 82/2020/HSPT ngày 23/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử giám đốc thẩm hủy Bản án hình sự phúc thẩm số 82/2020/HSPT ngày 23/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc để xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Quyết định số 32/2021/HS-GĐT ngày 23/6/2021, Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 382, khoản 3 Điều 388, Điều 391 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; hủy bản án hình sự phúc thẩm số 82/2020/HSPT ngày 23/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đối với Nguyễn Thanh N, Đặng Sỹ L và Hà Mạnh H3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc để xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật... Các quyết định khác của bản án hình sự phúc thẩm nêu trên không bị kháng nghị giám đốc thẩm tiếp tục có hiệu lực.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm c khoản 1 Điều 355; khoản 1 Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân

tỉnh Vĩnh Phúc; hủy Bản án sơ thẩm số: 79/2020/HS-ST ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc giữ nguyên Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 945/QĐ-VKS-P7 ngày 02 tháng 7 năm 2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 79/2020/HS-ST ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố V, chuyển hồ sơ cho cấp sơ thẩm để điều tra, giải quyết lại theo thủ tục chung, với lý do:

Thứ nhất, Vi phạm do để lọt người phạm tội vì Mã Công L1 là người điều khiển xe taxi biết anh H5 kêu cứu, chống cự và bị N, H3, K đánh, bắt giữ, ép lên xe trái ý muốn nhưng L1 là người quản lý xe không ngăn cản mà vẫn đồng tình để nhóm của N khống chế anh H5 trên xe do mình quản lý. L1 đã tiếp nhận ý chỉ của N và H3 là đưa anh H5 về quán cầm đồ 88 ở xã N1, huyện S để N đòi tiền. L1 đã giúp sức cho N cùng đồng bọn thực hiện hành vi bắt giữ người trái pháp luật. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không điều tra làm rõ hành vi phạm tội cũng như vai trò đồng phạm của L1 là có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm.

Thứ hai, Áp dụng mức hình phạt chưa phù hợp, chưa có sự phân hóa vai trò của các đồng phạm, chưa phù hợp với tính chất, mức độ, thủ đoạn phạm tội cũng như nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo.

Do đó, Hội đồng xét xử xem xét lại đối với toàn bộ bản án sơ thẩm.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thanh N, Đặng Sỹ L, Hà Mạnh H3 và Nguyễn Đình K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án được tóm tắt nêu trên. Lời khai nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, người liên quan, người làm chứng, kết luận của cơ quan chuyên môn và những chứng cứ, tài liệu được cơ quan điều tra thu thập khách quan, đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ căn cứ để kết luận: Xuất phát từ việc anh Nguyễn Văn H5 vay nợ Nguyễn Thanh N số tiền 5.000.000đ từ tháng 11 năm 2018, N nhiều lần đòi tiền nhưng anh H5 chưa trả được số tiền đã vay. Do vậy vào khoảng 17 giờ ngày 09/4/2019, N cùng Hà Mạnh H3 đi xuống thành phố V với mục đích đòi nợ anh H5. Khi xuống đến thành phố V, N gọi điện cho anh H5 hẹn gặp N ở khu vực Đ1, phường N2, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc rồi N nhờ thì được Nguyễn Đình K đồng ý dẫn đường đến khu vực Đ1. Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 09/4/2019, tại khu vực Đ1, phường N2, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, N đòi tiền nhưng anh H5 không có tiền trả đã khát nợ nên bị N đánh, anh H5 bỏ chạy thì bị H3 đuổi theo đánh, bắt giữ. Lúc đó, mặc dù không biết N và anh H5 trao đổi

nội dung gì nhưng khi thấy N, H3 đánh, đuổi theo anh H5 thì K cũng hỗ trợ, tiếp ứng cho N, H3 bắt giữ rồi ép anh H5 lên xe taxi đưa về quán cầm đồ 88 ở xã N1, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc. Tại quán cầm đồ 88 và trên 01 chiếc thuyền chở cát thả neo trên Sông Lô thuộc xã N1, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc, N cùng với H3 và Đặng Sỹ L tiếp tục khống chế, giam giữ anh H5 đồng thời N, L, H3 dùng cục sục đa năng, búa cao su và đoạn tre đánh vào mặt, lưng và tay anh H5. Quá trình bắt giữ, khống chế và đánh đập thì nhiều lần N và đồng phạm ép anh H5 gọi điện về cho gia đình để trả tiền, do hoảng sợ nên anh H5 phải gọi cho vợ là chị Nguyễn Thị Thanh V2 mang số tiền 20.000.000đ trả thì N, H3 và L mới thả anh H5 về. Chỉ đến khi biết bạn bè anh H5 lên đón thì N, H3 và L thả anh H5 về rồi bỏ trốn. Theo kết luận giám định của Trung tâm pháp y tỉnh Vĩnh Phúc xác định bị hại Nguyễn Văn H5 bị tổn hại 02% sức khỏe.

Căn cứ vào lời khai của các bị cáo tại phiên tòa và những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nguyễn Thanh N, Đặng Sỹ L, Hà Mạnh H3 về các tội “Cướp tài sản” và “Bắt giữ người trái pháp luật” theo điểm d khoản 2 Điều 168 và khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc:

[3.1] Đối với nội dung kháng nghị bỏ lọt tội phạm, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mã Công L1 tuy biết anh H5 bị đánh, kêu cứu và bị ép buộc lên xe nhưng L vẫn điều khiển xe taxi đưa N, H3 cùng anh H5 đến quán cầm đồ 88 ở xã N1, huyện S theo yêu cầu của N là có dấu hiệu của tội phạm. Tuy nhiên, với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa chưa có đủ cơ sở vững chắc để khẳng định Mã Công L1 là đồng phạm với Nguyễn Thanh N, do đó cần phải tiếp tục điều tra làm rõ. Để tránh kéo dài quá trình tố tụng và không ảnh hưởng đến các bị cáo khác (quá trình tố tụng các bị cáo khác cũng đã đi chấp hành án được một thời gian), vì vậy, cấp phúc thẩm kiến nghị cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xử lý Mã Công L1 nếu có căn cứ bằng vụ án khác theo quy định, điều này cũng đã được Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nhận định tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 11/QĐ-VC1-HS ngày 02/02/2021 “việc kiến nghị cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xử lý Mã Công L1 bằng vụ án khác là phù hợp”. Do đó, không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm để điều tra, giải quyết lại theo thủ tục chung như kháng nghị của Viện kiểm sát.

[3.2] Tại quyết định kháng nghị số 945/QĐ-VKS-P7 ngày 02 tháng 7 năm 2020 và tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát có quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm quyết định mức hình phạt chưa phù hợp đối với các bị cáo, Viện kiểm sát không đề nghị cấp phúc thẩm tăng hay giảm về hình phạt đối với các bị cáo cũng như từng bị cáo. Xét nội dung kháng nghị trên, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đối với bị cáo Nguyễn Thanh N giữ vai trò là người chủ mưu, khởi xướng, trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội và là người có nhân thân xấu, đã có 01 tiền sự về hành vi đánh nhau. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Với nhân thân, tính chất, mức độ phạm tội, vị trí vai trò và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 07 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản” và 09 tháng tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật” là phù hợp. Bởi lẽ: Nguyên nhân dẫn đến việc phạm tội của bị cáo xuất phát từ việc bị cáo cho bị hại vay tiền và có tính lãi suất, bị cáo đã yêu cầu bị hại trả nợ nhiều lần nhưng bị hại không trả, do hạn chế về pháp luật bị cáo đã thực hiện hành vi đòi nợ trái pháp luật, vì vậy bị cáo đã bị xét xử về từng hành vi xâm phạm tương ứng với từng tội danh là “Bắt giữ người trái pháp luật” và “Cướp tài sản”; hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo đều trên mức khởi điểm của khung hình phạt đối với từng tội danh.

Đối với bị cáo Đặng Sỹ L tuy không cùng N tham gia bắt giữ anh H5 ngay từ đầu nhưng tại quán cầm đồ 88 bị cáo là người thực hiện với vai trò tích cực nhất đối với hành vi cướp tài sản, cụ thể: trực tiếp cầm sạc pin điện thoại, dùng búa cao su đánh anh H5 và khi giữ anh H5 trên thuyền là người dùng gậy tre đánh anh H5 khiến anh H5 sợ không dám chống cự phải gọi điện thoại cho gia đình mang tiền đến cho các bị cáo; đồng thời bị cáo là người có nhân thân xấu, đã từng bị Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 09 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” và bị Công an phường Hội Hợp, thành phố V xử phạt hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Ngoài ra, bị cáo có 01 tiền án về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” nay lại tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý do đó lần phạm tội này của bị cáo là trường hợp “Tái phạm” nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, người bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Với vai trò, nhân thân và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định xử phạt bị cáo 07 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản” bằng mức hình phạt đối với bị cáo N và 08 tháng tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật” là không nặng.

Đối với bị cáo Hà Mạnh H3 tham gia với vai trò giúp sức cho bị cáo N bắt anh H5 ở thành phố V đưa về quán cầm đồ 88 ở huyện S giam giữ trái pháp luật, ngoài ra còn cùng với N, L đe dọa và trực tiếp gọi điện thoại cho gia đình anh H5 để gia đình anh H5 đem tiền đến cho các bị cáo. Tuy nhiên, trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, quá trình điều tra bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, do bị cáo được hưởng nhiều

tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 07 năm tù về tội “Cướp tài sản” và 07 tháng tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật” là có căn cứ chấp nhận.

Đối với bị cáo Nguyễn Đình K tham gia với vai trò giúp sức cho bị cáo N trong việc dùng vũ lực bắt, ép anh H5 lên xe taxi trái ý muốn của anh H5, bản thân K không biết mục đích bắt giữ anh H5 của N, không được bàn bạc trao đổi gì về việc đòi nợ tiền của anh H5. Tại khu vực Đ1, khi thấy N, H3 đuổi bắt anh H5 nên K cũng hỗ trợ, giúp sức cho N, H3 bắt giữ anh H5 đưa lên xe taxi. Sau khi N, H3 bắt giữ anh H5 lên xe taxi, K và người tên Gấu cũng bỏ đi. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi sự việc xảy ra đã tích cực bồi thường cho bị hại; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại có đơn đề nghị miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng đáng được Kn hồng và có đủ điều kiện để áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 06 tháng tù, cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách 01 năm về tội “Bắt giữ người trái pháp luật” cũng đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa chung, cũng như tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội được tự cải tạo, sửa chữa sai lầm để trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Vì thế, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc kháng nghị và Quyết định của Hội đồng giám đốc thẩm số 32/2021/HS-GĐT ngày 23/6/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội nhận định Tòa án cấp sơ thẩm quyết định hình phạt đối với các bị cáo chưa phù hợp, tuy nhiên Hội đồng xét xử không có căn cứ để sửa bản án sơ thẩm về quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định các bị cáo N, H3, L không có nghề nghiệp ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 6 Điều 168 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

[5] Đối với những người liên quan:

Đối với Hà Anh Q1 là người N, H3 liên hệ thông báo về việc bắt giữ anh H5 để đòi nợ. Quá trình điều tra xác định, Quyền, N và H3 có mối quan hệ anh em quen biết ngoài xã hội. Trước khi xảy ra sự việc Quyền không biết không được bàn bạc và không có sự chỉ đạo N, H3 trong việc bắt, giữ để đòi nợ anh H5. Do vậy, Cơ quan điều tra không xử lý Quyền về hành vi Bắt giữ người trái pháp luật và Cướp tài sản theo quy định tại Điều 157 và Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 với vai trò đồng phạm với N, H3 là có căn cứ.

Đối với đối tượng tên Gấu là người tham gia cùng N, H3 và K đánh và bắt giữ anh H5 lên xe taxi, quá trình điều tra, Cơ quan điều tra chưa xác định được

nhân thân, lai lịch cụ thể của người này. Do vậy, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, khi nào làm rõ, xử lý sau.

Đối với N giới tên Linh là người được N nhờ trả tiền taxi cho anh L tại quán cầm đồ 88, ở xã N1, huyện S, các đối tượng khai nhận không rõ nhân thân, lai lịch cụ thể của Linh, chỉ biết Linh sinh năm 1995 hoặc 1997 ở huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình điều tra, xác định sau khi trả tiền xe taxi, Linh đi khỏi quán cầm đồ 88 không tham gia cùng N, H3 và L bắt giữ, cướp tài sản của anh H5. Do vậy, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, khi nào làm rõ, xử lý sau.

[6] Về vật chứng vụ án:

Đối với xe máy biển kiểm soát 88C – 111.11 là phương tiện N, H3 đi từ xã N1, huyện S xuống thành phố V để đòi nợ anh H5, quá trình điều tra xác định: Ngày 09/4/2019, sau khi N, H3 bắt anh H5 lên taxi đưa về quán cầm đồ 88, ở xã N1, huyện S thì K là người đi xe máy trên, sau đó một, hai ngày K đã trả lại xe máy trên cho N. Quá trình điều tra, N khai nhận xe máy trên là tài sản của khách đến cầm cố tại quán cầm đồ 88, sau khi sự việc xảy ra, N đã trả lại người khách này xe máy trên và không lưu lại giấy tờ gì. Do vậy, Cơ quan điều tra không thu giữ được xe máy trên nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với xe máy N, H3 và L sử dụng để đưa anh H5 ra khu vực bên cát trên Sông Lô tiếp tục đòi nợ, quá trình điều tra, N khai nhận xe máy trên nhãn hiệu Wave, không rõ biển kiểm soát là xe máy của khách đến cầm cố cho N, sau khi sự việc xảy ra N đã trả lại xe máy trên cho người khách này và không giữ lại giấy tờ gì nên Cơ quan điều tra không thu giữ được xe máy trên nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với xe taxi biển kiểm soát 29A – 497.72 quá trình điều tra xác định chiếc xe trên là tài sản hợp pháp của anh Trần Quốc Phi, sinh năm 1985, ở xã Đồng Ích, huyện Lập Thạch. Ngày 09/4/2019, anh Phi giao xe ô tô trên cho anh L điều khiển để chạy taxi cho hãng Thiên Đức nên Cơ quan điều tra không thu giữ ô tô trên là có căn cứ.

Đối với điện thoại điện thoại Nokia 1200 lắp sim số 0376.050.207 của N, điện thoại Nokia 1280 lắp sim số 0397.056.924 của H3 sử dụng vào việc phạm tội, quá trình điều tra N, H3 khai nhận đã làm mất điện thoại và sim số nêu trên, không biết mất ở đâu, khi nào. Do vậy, Cơ quan điều tra không thu giữ được nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với thương tích của anh Nguyễn Văn H5 do bị N, H3, K và L đánh, quá trình điều tra anh H5 có đơn xin rút yêu cầu khởi tố, không xử lý hình sự đối với N, H3, K, L về hành vi gây thương tích cho anh. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với số tiền 5.000.000đ, N vay của quán cầm đồ 88 rồi cho anh H5 vay lại, quá trình điều tra N không yêu cầu anh H5 phải trả lại N số tiền trên nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với chiếc dép tông màu đen có quai đeo màu đỏ của anh Nguyễn Văn H5 thu giữ trong quá trình khám nghiệm hiện trường. Đến nay, anh H5 không yêu cầu nhận lại chiếc dép tông trên nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra Nguyễn Đình K đã bồi thường cho anh Nguyễn Văn H5 số tiền 3.000.000đ. Anh H5 đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu, đề nghị gì khác về bồi thường dân sự nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 79/2020/HSST ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố V.

Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh N 09 (Chín) tháng tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật”; 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 08 (Tám) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam ngày 07 tháng 11 năm 2019.

Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Đặng Sỹ L 08 (Tám) tháng tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật”; 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 08 (Tám) năm 02 (Hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam ngày 20 tháng 02 năm 2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Hà Mạnh H3 07 (Bảy) tháng tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật”; 07 (Bảy) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 07 (Bảy) năm 07 (Bảy) tháng tù,

thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam ngày 20 tháng 02 năm 2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 17; Điều 58; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình K 06 (Sáu) tháng tù, cho hưởng án treo về tội “Bắt giữ người trái pháp luật”, thời gian thử thách 01(Một) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Đình K cho Ủy ban nhân dân thị trấn Tam Sơn, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (Hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc dép tông màu đen có quai đỏ của anh Nguyễn Văn H5 (Đặc điểm tang vật như biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 22 tháng 5 năm 2020).

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Thanh N, Đặng Sỹ L, Hà Mạnh H3, Nguyễn Đình K mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND thành phố V;
- VKSND thành phố V;
- Công an thành phố V;
- Chi cục THADS thành phố V;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; HCTP; Tòa HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Thị Thu Hà